

Số:91/2023/QĐST-HNGĐ

Ninh Sơn, ngày 08 tháng 9 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà cc5, khu bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh V – P. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ninh Sơn. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2023)

Địa chỉ: Khu phố 3, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 37 và 38 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H có chung 03 người con là Phạm Ngọc Kim C, sinh năm: 1997; Phạm Ngọc Trúc L, sinh ngày: 17/5/2004; Phạm Ngọc Kim Th, sinh ngày: 17/11/2012.

Hiện cháu C và cháu L đã trên 18 tuổi lao động tự túc được.

Hai người thống nhất giao cháu Phạm Ngọc Kim Th cho Bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H thống nhất phân chia tài sản chung và nợ như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 diện tích 87m² và được toàn quyền sử dụng thửa đất số 2 tờ bản đồ số 123 diện tích 174m² đất ONT tại các điểm A,B,L,K theo đo đạc chính lý thửa đất ngày 28/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất (nếu có).

- Bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sử dụng diện tích 1.000m² đất HNK, thuộc thửa đất số 237 tờ bản đồ số 82 tại các điểm L,K,J,I,H,G,F tại đo đạc chính lý thửa đất ngày 28/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất (nếu có).

- Ông Phạm Ngọc H được toàn quyền sử dụng 75.4m² đất ONT thuộc thửa đất số 2a tờ bản đồ số 123 tại các điểm B,C, D, L tại đo đạc chính lý thửa đất ngày 28/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất (nếu có).

- Ông Phạm Ngọc H được toàn quyền sử dụng 1000 m² đất HNK thuộc thửa đất số 237a tờ bản đồ số 82 tại các điểm L,D,E, F tại đo đạc chính lý thửa

đất ngày 28/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất (nếu có).

Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H được liên hệ với các cơ quan chức năng về quản lý đất đai và UBND huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận để đăng ký điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

(Kèm theo Quyết định là trích đo chỉnh lý thửa đất ngày 28/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Ninh Sơn).

2.3. Về nợ chung:

2.3.1. Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H và ông Lê Minh V là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng C thống nhất:

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/8/2023 là 47.000 đồng đối với mã món vay số 6600000712034281 ngày 12/3/2018.

Kể từ ngày 01/09/2023 Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải trả chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ đối mã món vay số 6600000712034281 ngày 12/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3.2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia khoản nợ chung đối với số nợ: 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đậu, Bà Nguyễn Thị T tự trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này.

Về quyền khởi kiện lại: Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án khi có yêu cầu.

2.4. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho Ông Phạm Ngọc H số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền chênh lệch chia tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và trích lục bản đồ địa chính là 7.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T và Ông Phạm Ngọc H phải chịu mỗi người là 3.500.000 đồng. Do Bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng số tiền trên vì vậy Ông Phạm Ngọc H đồng ý trả cho Bà Nguyễn Thị T 3.500.000 đồng chi phí tố tụng.

Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa từ Toà án là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

2.6. Về án phí: Khoản án phí LHST 150.000 đồng và 251.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị T xin chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền 0006184 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị T 8.274.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- CC THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Mỹ Sơn;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim